

## HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM

065929

Đỗ Thị Thu\*

### Tóm tắt:

*Nghiên cứu thực hiện phân tích những tác động của Hiệp định TPP đối với vấn đề xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới. Kết quả phân tích cho thấy, TPP mang lại nhiều cơ hội cho Việt Nam trong việc xóa đói giảm nghèo thông qua những tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam, tăng cầu lao động, tạo cơ hội nâng cao sức cạnh tranh của các nông sản, ... Đồng thời, TPP cũng đặt ra nhiều thách thức trong công tác giảm nghèo đòi hỏi sự thích ứng của nền kinh tế Việt Nam và những người nghèo nói riêng. Đặc biệt, nghiên cứu nhận thấy rằng, giải quyết vấn đề đói nghèo ở vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số chính là giải pháp then chốt cho công tác xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn hội nhập sắp tới.*

**Từ khóa:** Hội nhập, TPP, xóa đói giảm nghèo, Việt Nam.

### Đặt vấn đề

Sự kiện Hiệp định TPP được ký kết sau hơn 5 năm đàm phán đã nhận được nhiều đánh giá tích cực từ những nhà chính trị cũng như các chuyên gia kinh tế trên thế giới. Đại diện thương mại Mỹ - ông Mike Froman đánh giá TPP là một thỏa thuận giúp hỗ trợ việc làm, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, phát triển toàn diện và đổi mới trên khắp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, mang lại nhiều lợi ích cho công dân của các nước thành viên. Đồng quan điểm, đại diện thương mại Australia - ông Andrew Robb đánh giá TPP là một thỏa thuận "định hình tương lai thế kỷ 21". Có thể đánh giá, việc ký kết TPP chính là một sự đi tắt đón đầu của các nước thành viên

trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Đối với Việt Nam nói riêng, Hiệp định TPP được đánh giá là sẽ đem lại nhiều lợi ích về kinh tế - xã hội. Vấn đề xã hội là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững: kinh tế - xã hội - môi trường. Trong đó, xóa đói giảm nghèo là một nhiệm vụ trọng tâm để giải quyết vấn đề công bằng xã hội. Việt Nam đã thực hiện thành công nhiều chương trình, chính sách xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, giảm nghèo vẫn là nhiệm vụ quan trọng trong thời gian tới. Đặc biệt, sau khi TPP - một trong những hiệp định thương mại tự do lớn nhất mà Việt Nam tham gia, được ký kết, công tác xóa đói giảm nghèo cần được đặt trong điều kiện mở để có thể đánh giá một

\*Đỗ Thị Thu, Thạc sĩ, Học viện Ngân hàng.

cách đầy đủ những nguồn lực, những cơ hội cho giảm nghèo cũng như những thách thức cần đối mặt. Vì vậy, việc phân tích, đánh giá những tác động của TPP đối với công tác giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới là hết sức cần thiết. Định dạng được những cơ hội, thách thức TPP mang lại sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong việc nắm bắt, tận dụng cơ hội để giảm nghèo và hạn chế những tác động tiêu cực có thể xảy ra.

Trên cơ sở làm rõ thực trạng chính sách xóa đói giảm nghèo và thực trạng nghèo đói ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu này sẽ tập trung làm rõ những cơ hội mà Việt Nam cần nắm bắt để tiếp tục giảm nghèo và những thách thức mà công tác giảm nghèo nói chung và bản thân người nghèo nói riêng, cần đối mặt. Nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp giúp tận dụng cơ hội và hạn chế những thách thức đó.

### 1. Thực trạng chính sách xóa đói giảm nghèo (XĐGN) ở Việt Nam và kết quả đạt được

#### *Hệ thống các chính sách XĐGN ở Việt Nam*

Tính đến năm 2015, sự hình thành và phát triển hệ thống chính sách XĐGN của Việt Nam được chia thành 4 giai đoạn: giai đoạn 1998 – 2000, giai đoạn 2001 – 2005, giai đoạn 2006 – 2010, và giai đoạn 2011 – 2015.

- Giai đoạn 1998 – 2000: Đầu tiên phải kể đến Chương trình mục tiêu quốc gia về XĐGN trong giai đoạn 1998 – 2000, tổ chức định canh, định cư và hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn. Đồng thời giai đoạn này cũng thực hiện chương trình phát triển kinh tế

- xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu – vùng xa theo quyết định số 135/1998/QĐ-TTg (Chương trình 135).

- Giai đoạn 2001 – 2005: Chương trình mục tiêu quốc gia về XĐGN và việc làm trong giai đoạn 2001 – 2005, gồm: chính sách hỗ trợ về y tế, chính sách hỗ trợ về giáo dục, chính sách an sinh xã hội và trợ cấp các đối tượng yếu thế, chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, chính sách hỗ trợ công cụ và đất sản xuất cho người nghèo, dự án tín dụng cho hộ nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết việc làm, ... (Nguyễn Ngọc Sơn, 2012).

- Giai đoạn 2006 – 2010: Tiếp tục thực hiện các chính sách của giai đoạn 2001 – 2005 trong Chương trình mục tiêu quốc gia về XĐGN và việc làm trong giai đoạn 2001 – 2005, có chỉnh sửa và bổ sung cho giai đoạn này. Chương trình 135 giai đoạn 2 tiếp tục được thực hiện. Thêm nữa là Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo thuộc 20 tỉnh có số hộ nghèo trên 50% theo Nghị quyết 30a ngày 27 tháng 12 năm 2008 (Nguyễn Ngọc Sơn, 2012).

- Giai đoạn 2011 – 2015: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 – 2015 (trong đó bao gồm chương trình 135 giai đoạn 2012 – 2015).

#### *Nghèo đói giảm mạnh cả về quy mô, chiều sâu và mức độ trầm trọng*

Theo Ngân hàng Thế giới (2012) và Báo cáo quốc gia (2015), tình trạng nghèo ở Việt Nam đã giảm mạnh khi xem xét trên nhiều tiêu chí và khía cạnh khác nhau. Quy

mô cũng như chiều sâu và mức độ trầm trọng được minh họa trên Bảng 1. của nghèo đói đều giảm đáng kể. Kết quả này

**Bảng 1: Thành tựu giảm tỉ lệ, chiều sâu và mức độ trầm trọng của nghèo ở Việt Nam**

<b>Chuẩn nghèo của GSO-WB</b>			
	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Chiều sâu</b>	<b>Mức độ trầm trọng</b>
<b>Năm</b>	<b>(Tỷ lệ tính theo đầu người, %)</b>	<b>(Khoảng cách nghèo, %)</b>	<b>(Bình phương khoảng cách nghèo, %)</b>
1993	58,1	18,5	7,9
1998	37,4	9,5	3,6
2002	28,9	7,0	2,4
2004	19,5	4,7	1,7
2006	15,9	3,8	1,4
2008	14,5	3,5	1,2
2010	20,7 (1)	5,9	2,4
2012	17,2	4,5	N/A
2014	13,5	N/A	N/A

Ghi chú: (1): Số liệu thống kê năm 2010 được tính toán bởi NHTG trên cơ sở sử dụng số liệu tổng hợp về chi tiêu mang tính toàn diện, tính theo chuẩn nghèo mới cho giai đoạn 2011-2015.

Nguồn: TCTK – Theo Theo Báo cáo Quốc gia năm 2015 về Kết quả 15 năm thực hiện Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam;

Tuy nhiên, tốc độ giảm nghèo đang chậm lại kể từ năm 2006 đến nay. Điều này được lý giải bởi tác động của những bất ổn kinh tế vĩ mô và sụt giảm tốc độ tăng trưởng kể từ đầu năm 2008. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững là một nhân tố chính tạo nên thành công của Việt Nam trong việc giảm nghèo. Nhưng do Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế khu vực và toàn cầu thông qua việc ký kết các hiệp định (FTA), sự gia nhập WTO, nên Việt Nam cũng chịu tác động không nhỏ từ sự bất ổn vĩ mô trên thế giới. Cụ thể là tác động của cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ từ cuối năm 2007 –

đầu năm 2008 đã lan rộng ra toàn cầu và tác động đến tăng trưởng và lạm phát ở Việt Nam. Tình trạng thất nghiệp gia tăng, thu nhập của người lao động giảm đáng kể trong khi chi phí cho các đầu vào sản xuất tăng lên, ngay cả trong lĩnh vực nông nghiệp. Năm 2010, giá của một loạt các mặt hàng thiết yếu như lương thực, điện và nhiên liệu tăng mạnh, tạo thêm áp lực cho ngân sách hộ gia đình.

***Nghèo đói giảm mạnh cả trên góc độ phi thu nhập***

Song song với việc tạo thu nhập cho người nghèo, Việt Nam đã có nhiều chính sách quan tâm tới các khía cạnh khác của

nghèo đói như: cơ hội tiếp cận các hàng hóa, dịch vụ cơ bản (như giáo dục, y tế), nguy cơ dễ bị tổn thương và tiếng nói của những người nghèo. Đặc biệt, trẻ em và phụ nữ là những đối tượng nhận được nhiều sự quan tâm của chính phủ cũng như các tổ chức phi chính phủ. Kết quả Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ người dân được tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, y tế tăng lên rõ rệt. Vào năm 1998, 25.4% số người ở độ tuổi từ 15-24 chưa tốt nghiệp tiểu học. Sau 12 năm, tỉ lệ này đã giảm xuống chỉ còn 4.1% và tỉ lệ nhập học ở bậc trung học phổ thông cũng đã tăng gần gấp đôi. Hơn nữa, vào năm 2010, số trẻ em gái nhập học ở cả cấp trung học cơ sở lẫn trung học phổ thông

đều cao hơn so với số trẻ em trai, phản ánh sự bình đẳng giới trong giáo dục ở Việt Nam. Các dịch vụ chăm sóc y tế, dinh dưỡng cho trẻ em cũng được phổ biến tới nhiều vùng sâu, vùng xa, làm giảm đáng kể tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, tuổi thọ đã tăng lên đến 74,8%, tỷ lệ thấp còi và nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm ấn tượng. Mức độ sử dụng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ ở địa phương cũng đã được cải thiện: số hộ được hòa vào lưới điện đã tăng từ 77% năm 1998 lên tới mức gần đạt phổ cập (98.6%) năm 2014. Tuy nhiên, các vấn đề về vệ sinh và nước sạch vẫn tồn tại và những bước tiến trong các mục tiêu về môi trường vẫn còn chậm.

**Bảng 2: Cải thiện ở các chiều nghèo phi thu nhập, 1993-2014**

Năm	1993	1998	2010	2012	2014
<b>Giáo dục</b>					
% số người từ 15 tuổi trở lên chưa hoàn thành tiểu học	35,5	35,7	14,4		
% số người trong độ tuổi 15-24 chưa hoàn thành tiểu học	23,3	25,4	4,1		
Tỉ lệ nhập học bậc tiểu học (thuần)	87		97		98,96
Nữ	87,1	90,7	92,8		
Nam	86,3	92,1	92,5		
Tỉ lệ nhập học bậc trung học cơ sở (thuần)			83,1	87,24	
Nữ	29	62,1	83,2		
Nam	31,2	61,3	80,2		
Tỉ lệ nhập học bậc trung học phổ thông (thuần)					
Nữ	6,1	27,4	60,1		
Nam	8,4	30	53,9		
<b>Y tế</b>					
Tiêm phòng, DPT1, % số trẻ em trong độ tuổi 12-23 tháng	91	94	93		
Tiêm phòng, sởi, % số trẻ em trong độ tuổi 12-23 tháng	93	96	84		97,1
Tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh (trên 1.000 trẻ được sinh ra)	34	29	14	13,7 (2011)	12,8 (2013)



					15,3 (2013)
Tỉ lệ thấp còi (thấp so với tuổi), trẻ em dưới 5 tuổi	51	34	23		
Tỉ lệ nhẹ cân (nhẹ cân so với tuổi), trẻ em dưới 5 tuổi	37	36	12		
Tuổi thọ bình quân khi sinh (năm)	68,1	71	74,8		
% số người nghèo có bảo hiểm y tế	n/a	7,8	71,6		
<b>Tiếp cận hạ tầng cơ sở và hàng tiêu dùng lâu bền</b>					
% sử dụng điện là nguồn thắp sáng chủ yếu	48	77	98	97,6	98,6
% được tiếp cận với nguồn nước được cải thiện					
Nông thôn	76	70	87		
Thành thị	89	89	98		
% được tiếp cận với nước sạch					
Nông thôn	17	29	57		
Thành thị	60	75	89		
% có nhà tiêu hợp vệ sinh	19	26	69	77,4	71,4*
Nông thôn	10	14	59		
Thành thị	53	68	92		
% hộ gia đình có hàng tiêu dùng lâu bền					
TV	22	56	89	97,3	
Quạt	31	68	85		
Tủ lạnh	4	9	43	49,7	
Ô tô	0	0	1	1,8	
Xe máy	11	20	76	115,3	

Ghi chú: \*Có áp dụng các tiêu chí tính toán mới.

Nguồn: năm 2010: Số liệu thống kê về chủng ngừa, suy dinh dưỡng và tỉ lệ tử vong ở trẻ theo Điều tra theo Cụm Đa Chi số (MICS); tuổi thọ trung bình theo cơ sở dữ liệu Chỉ số Phát triển Thế giới của NHTG; Năm 2012, 2014: Tổng hợp Theo Báo cáo Quốc gia năm 2015 về Kết quả 15 năm thực hiện Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam; số liệu còn lại theo NHTG.

**Xóa đói giảm nghèo vẫn là nhiệm vụ quan trọng để phát triển bền vững**

Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ trong công tác xóa đói giảm nghèo, nhưng xóa đói giảm nghèo

vẫn là nhiệm vụ quan trọng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

Cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế, chuẩn nghèo sẽ ngày càng được nâng cao cả trên khía cạnh thu nhập cũng như các khía cạnh phi thu nhập. Bên cạnh đó, các cú sốc về

sức khỏe, về khí hậu, thiên tai có thể diễn ra và thậm chí tăng lên trong điều kiện biến đổi khí hậu đang ngày càng đáng báo động. Vì vậy, những người đã thoát nghèo có thể lại tái nghèo trong điều kiện phát triển mới.

Hơn nữa, cùng với quá trình hội nhập kinh tế - xã hội toàn cầu, những thách thức mới đang tiếp tục được đặt ra cho lực lượng lao động Việt Nam. Điều này đòi hỏi mỗi cá nhân cần phát triển bản thân, tự trau dồi kỹ năng, nhận thức. Và chính phủ Việt Nam cần có những định hướng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, hòa nhịp với sự phát triển và hội nhập.

Ngoài ra, tốc độ giảm nghèo hiện nay đang trở nên ít hòa nhịp với tăng trưởng kinh tế hơn so với trước. Bởi những hộ nghèo còn lại tập trung nhiều hơn ở các dân tộc thiểu số, vùng miền núi, nơi đất đai nghèo nàn, người dân khó tiếp cận với giáo dục, y tế và cơ sở hạ tầng rất hạn chế. Các vùng dân tộc thiểu số chiếm khoảng 15% dân số nhưng chiếm gần 50% số lượng những người nghèo và 2/3 số người nghèo cùng cực

Song song với kết quả giảm nghèo đạt được, bất bình đẳng lại đang có xu hướng gia tăng giữa khu vực thành thị với nông thôn và trong nội bộ khu vực nông thôn. Bởi những người giàu có hơn ở nông thôn lại dễ dàng hơn trong việc kiếm thêm thu nhập. Và những người dân ở thành thị cũng có nhiều cơ hội để tăng thu nhập và tiếp cận các hàng hóa, dịch vụ công tốt hơn.

Một bộ phận những người dân di cư từ nông thôn ra thành thị, làm việc trong các khu vực phi chính thức mặc dù thoát nghèo nhưng lại rất dễ bị tổn thương do không được tiếp cận với các chế độ về bảo hiểm và do sự biến động nhanh chóng của thị trường khi nền kinh tế Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập quốc tế.

## 2. Những cơ hội và thách thức cho vấn đề xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

### 2.1. TPP mang lại cơ hội để giảm nghèo

Với những kết quả đạt được sau hơn 5 năm đàm phán, TPP được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng năng suất lao động, giảm nghèo, và đảm bảo các yếu tố về tiêu chuẩn lao động, môi trường ở Việt Nam nói riêng và các nước ký kết TPP nói chung. Những kỳ vọng này hoàn toàn có cơ sở thực tế. J.P.Cling, M. Razafindrakoto & F. Roubaud (2008) đã sử dụng mô hình mô phỏng vi mô cho nền kinh tế Việt Nam và đã chỉ ra rằng sự kiện gia nhập WTO làm gia tăng những xu thế mới: giảm nghèo (nhất là ở khu vực thành thị), tạo việc làm có thu nhập (đặc biệt các ngành công nghiệp), tăng lương thực tế (đối với công nhân không lành nghề nhiều hơn công nhân lành nghề), tăng bất bình đẳng giữa nông thôn/thành thị (nhưng giảm bất bình đẳng giới). Tham gia TPP cũng là một sự kiện quan trọng của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nó sẽ tác động đến mọi vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường của Việt Nam với mức độ sâu rộng hơn so với sự kiện gia nhập WTO năm 2007. Vậy đâu là cơ hội cho những người nghèo sau khi TPP chính thức có hiệu lực?

*Thứ nhất, TPP mang lại cơ hội nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp nội địa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo tiền đề cho công tác xóa đói giảm nghèo.* Báo điện tử Bộ Công thương (2015) đưa tin, các chuyên gia kinh tế ước tính rằng TPP sẽ làm giúp tăng thêm 23,5 tỷ USD trong GDP của Việt Nam vào năm 2020 và con số này lên tới 33,5 tỷ USD vào năm 2025. Đặc biệt, việc giảm thuế nhập khẩu về 0% hoặc áp dụng thuế suất thấp trên các thị trường lớn như Mỹ, Canada,

Nhật Bản sẽ là một cú huých lớn giúp Việt Nam giải quyết vấn đề nhập siêu hiện nay. Bên cạnh đó, TPP sẽ là cơ hội để ngành nông nghiệp, dệt may, da dầy của Việt Nam có thể vươn xa, thâm nhập sâu hơn vào các thị trường lớn và khó tính như Mỹ, Nhật Bản... Như vậy, tham gia TPP là cơ hội cho tăng trưởng kinh tế. Đây chính là điều kiện cần để thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo.

*Thứ hai, TPP là đòn bẩy làm tăng cầu lao động của các doanh nghiệp nội địa cũng như các doanh nghiệp có vốn FDI, tạo thêm công ăn việc làm cho người nghèo.* Việc xóa bỏ gần như toàn bộ thuế nhập khẩu vào các nước TPP sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao sức cạnh tranh về giá cả cho các ngành mũi nhọn của Việt Nam như: da giày, dệt may, thủy hải sản, lắp ráp thiết bị điện tử... khi gia nhập thị trường các nước khác. Đồng thời, khi cắt giảm được chi phí từ thuế, các doanh nghiệp cũng sẽ có động lực đầu tư vào phát triển khoa học, công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh về chất lượng của sản phẩm. Sự phát triển của các doanh nghiệp sẽ tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, giúp ổn định cuộc sống của những người lao động nói chung và những người dân nghèo nói riêng. Bên cạnh đó, tham gia TPP sẽ giúp môi trường đầu tư ở Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Nhiều chuyên gia kinh tế đã khẳng định tính tất yếu trong sự gia tăng vốn FDI vào Việt Nam trong thời gian tới. Đây chính là cơ hội việc làm với thu nhập hấp dẫn cho lực lượng lao động ở Việt Nam. Đặc biệt, khi thu hút FDI trong các ngành công nghiệp phụ trợ, là những ngành đòi hỏi lượng chất xám ít hơn, sẽ là cơ hội cho những người dân nghèo, có trình độ học vấn thấp tiếp cận với công việc có thu nhập

tốt. Ngoài ra, quy định về tỷ lệ nội địa hóa giá trị sản phẩm (55% giá trị sản phẩm được tạo nên từ các nguyên liệu trong nước hoặc nhập khẩu từ các nước thành viên TPP) sẽ kích thích các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước, tạo thêm việc làm cho người nghèo.

*Thứ ba, TPP làm tăng sức cạnh tranh cho khu vực nông nghiệp – khu vực tập trung nhiều người nghèo, giúp cải thiện đời sống nông dân.* Tham gia TPP mang lại nhiều kỳ vọng cho sự phát triển của ngành nông nghiệp, ngư nghiệp – ngành tập trung nhiều lao động nghèo ở nông thôn. Bởi các mặt hàng nông sản và thủy hải sản sẽ được áp dụng mức thuế suất nhập khẩu % khi nhập khẩu vào các nước thành viên TPP. Điều này thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm nông sản, thủy hải sản của Việt Nam, tăng thu nhập cho các doanh nghiệp và người lao động làm việc trong lĩnh vực này. Đây chính là cơ hội thoát nghèo về thu nhập cho những nông dân và ngư dân ở vùng nông thôn, miền núi.

*Thứ tư, TPP mang đến cơ hội cho người tiêu dùng Việt Nam nói chung và những người nghèo nói riêng được tiếp cận với nhiều hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao với giá hợp lý.* Khi thuế nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam giảm về 0%, nhiều loại hàng hóa tiêu dùng của các nước trong TPP sẽ được nhập vào Việt Nam với giá cả cạnh tranh, một mặt giúp người tiêu dùng có cơ hội mua sắm những hàng hóa với chất lượng cao, một mặt thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước cải tiến công nghệ sản xuất, kiểm soát tốt chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, để đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

*Thứ năm, TPP tạo điều kiện để xóa đói giảm nghèo dưới góc độ phi thu nhập – góc*



*độ tiếp cận các dịch vụ y tế đảm bảo chất lượng.* Việc cắt giảm thời gian bảo vệ bản quyền đối với các sản phẩm dược phẩm mở ra nhiều kỳ vọng cho những người dân nghèo được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng tốt với giá cả hợp lý.

## **2.2. Những thách thức cho công tác xóa đói giảm nghèo khi tham gia TPP**

Bên cạnh những cơ hội tạo ra cho những người nghèo cũng như công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, có không ít những thách thức cần đối mặt.

*Thứ nhất, vấn đề lao động, việc làm cho người nghèo nếu các doanh nghiệp Việt Nam cạnh tranh kém hiệu quả.* Bên cạnh những việc làm mới được tạo ra thì khi TPP có hiệu lực, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ chịu sức ép cạnh tranh lớn hơn. Khi họ không thể cạnh tranh hiệu quả, sẽ có một bộ phận doanh nghiệp thua lỗ, phá sản, khiến cho một bộ phận công nhân lao động mất việc làm. Họ vốn đã thoát nghèo nhưng lại có thể tái nghèo khi không còn thu nhập.

*Thứ hai, xu hướng giảm diện tích đất nông nghiệp.* Cùng với quá trình công nghiệp hóa, nhiều diện tích đất nông nghiệp đã và sẽ bị thu hồi để phục vụ cho mục đích sử dụng khác như xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị. Điều này sẽ khiến những hộ gia đình ở nông thôn vốn dựa vào nông nghiệp làm sinh kế, sẽ trở thành lực lượng lao động bị thất nghiệp. Tuy có được nguồn thu ít ỏi từ số tiền bồi thường đất bị thu hồi, nhưng nếu không được định hướng việc sử dụng số tiền đó để mang lại hiệu quả thì họ sẽ là đối tượng rất dễ bị tổn thương khi có bất kỳ một cú sốc kinh tế nào trong tương lai không xa. Đồng thời, bộ phận dân cư bị mất việc làm ở nông thôn sẽ có xu hướng di cư ra các thành phố, thị xã, làm tăng áp lực việc làm tại các khu đô thị. Tỷ lệ nghèo đô thị sẽ tăng lên. Cũng có một bộ

phần dân di cư từ nông thôn ra thành thị sẽ phải chấp nhận làm việc trong các khu vực phi chính thức, không đảm bảo thu nhập ổn định, không được hưởng đầy đủ các chế độ về an sinh xã hội.

*Thứ ba, trình độ lao động của người nghèo còn yếu, trong khi tiêu chuẩn về chất lượng lao động ngày càng yêu cầu cao hơn.* Mặc dù TPP mở ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động Việt Nam, nhưng trình độ lao động ngày càng đòi hỏi cao hơn. Thêm vào đó, khi cộng đồng kinh tế ASEAN chính thức hình thành, lao động Việt Nam lại chịu thêm sức ép cạnh tranh với lực lượng lao động từ các nước láng giềng. Trong khi đại bộ phận những người nghèo ở Việt Nam có trình độ học vấn thấp và tay nghề chưa cao, họ sẽ càng khó khăn hơn trong việc nắm giữ một công việc ổn định.

*Thứ tư, TPP có thể làm gia tăng bất bình đẳng.* Việc gia tăng đầu tư nước ngoài FDI vào Việt Nam bên cạnh tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế, thì cũng sẽ tác động tương đối mạnh đến vấn đề bất bình đẳng về thu nhập do nguồn vốn FDI thường tập trung vào các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Trong khi đó, nghèo đói ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi vẫn là vấn đề khó giải quyết. Một phần là do cơ sở hạ tầng ở vùng miền núi thường chưa phát triển, chưa hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước cũng như nhà đầu tư nước ngoài. Những người dân nghèo ở những vùng này lại càng khó có cơ hội tiếp cận với thị trường việc làm rộng lớn. Và cùng với quá trình hội nhập, họ ngày càng trở nên nghèo tương đối so với mức trung bình của xã hội. Đây chính là vấn đề cần nhận được sự quan tâm nhiều hơn nữa trong các chương trình, chính sách giảm nghèo của Chính phủ Việt Nam cũng như các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận trong và ngoài nước.



Thứ năm, nguy cơ mất cân đối ngân sách nhà nước và tác động tới chi tiêu của nhà nước cho các chương trình xóa đói giảm nghèo trong ngắn hạn và trung hạn. Khi chính thức thực hiện cam kết trong TPP về cắt giảm thuế quan về 0%, sẽ dẫn tới giảm nguồn thu ngân sách nhà nước đối với hàng hóa nhập khẩu. Tuy nhiên việc cắt giảm thuế quan trong TPP cũng như trong các FTA sẽ khiến cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước đối tác cũng như nền sản xuất trong nước sẽ có đà gia tăng, đồng nghĩa số thu từ thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu cũng như hàng hóa sản xuất trong nước cũng tăng theo. Ngoài ra, chi phí sản xuất của doanh nghiệp nội địa giảm cũng sẽ tác động tích cực đến nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp. Như vậy tác động giảm thu ngân sách không quá lớn. Tuy nhiên, điều này cũng sẽ ít nhiều tác động tới các chính sách xóa đói giảm nghèo của Việt Nam trong giai đoạn ngắn hạn và trung hạn, đòi hỏi Chính phủ cần lựa chọn các mục tiêu ưu tiên trong từng giai đoạn cụ thể.

**3. Giải pháp vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội cho XĐGN ở Việt Nam**

Có thể nhận thấy Việt Nam đang dần hòa nhập một cách sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Những thành tựu của Việt Nam trong phát triển kinh tế cũng như cải thiện các vấn đề xã hội, đặc biệt là thành công trong xóa đói giảm nghèo đã và đang dần khẳng định sự đúng đắn trong định hướng phát triển và hội nhập. Điều này cho chúng ta thêm sự lạc quan, tin tưởng vào những kết quả tốt đẹp sẽ đạt được trong thời gian tới sau khi TPP chính thức có hiệu lực. Cần khẳng định một lần nữa rằng TPP sẽ mang lại nhiều cơ hội lớn cho mọi doanh nghiệp, người tiêu dùng Việt Nam nói chung và những người nghèo nói riêng trong việc tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn, cơ hội tiêu dùng hàng hóa

chất lượng tốt với giá cả cạnh tranh, cơ hội việc làm với mức thu nhập hấp dẫn, và cơ hội để thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên, cũng không ít thách thức đã, đang và sẽ đặt ra, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp, mỗi cá nhân người nghèo cần nắm bắt cơ hội và nỗ lực hơn nữa để tận dụng những cơ hội đó một cách tốt nhất. Sự cạnh tranh sẽ ngày càng quyết liệt hơn đặt ra nhiệm vụ cho các doanh nghiệp cần tái cấu trúc doanh nghiệp mình để nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm... Những người lao động cần tích cực trau dồi nhận thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn để có thể thích ứng tốt trong môi trường làm việc năng động đòi hỏi chất lượng cao. Một bộ phận lớn những người nghèo làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp cần nhận thức rõ rằng mô hình sản xuất xanh, sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường chính là một hướng đi đúng đắn trong điều kiện hội nhập. Đồng thời, những hộ nông dân, ngư dân làm ăn nhỏ lẻ cần đoàn kết lại thành một khối vững chắc để có thể tồn tại và phát triển.

Vấn đề nghèo đói ở vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi đang là điểm nóng cần được tháo gỡ. Tham gia TPP sẽ mở ra nhiều cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Việt Nam cần tận dụng cơ hội này cho phát triển các vùng nông thôn, miền núi, tạo điều kiện để thoát nghèo cho những vùng này. Để đạt được mục tiêu này, chính phủ Việt Nam cần thực hiện các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng cho những vùng miền núi, vùng sâu vùng xa; tạo điều kiện cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động hiệu quả.

Bên cạnh đó, chính phủ cần thực hiện các chính sách quản lý thị trường lao động, minh bạch hóa thị trường lao động – việc làm nhằm mở ra sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm cho tất cả lực lượng lao động. Chính

phủ cần đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho những người nghèo ở nông thôn, miền núi.

Đặc biệt, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả các chương trình giảm nghèo thông qua việc xác định đúng đối tượng là người nghèo và thực hiện trợ cấp đúng đối tượng, tránh việc trợ cấp dàn trải để giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó, vấn đề tham nhũng cũng là một trở lực trong công tác giảm nghèo. Vì vậy, chính phủ cần quyết liệt hơn nữa trong công tác phòng chống tham nhũng.

**Kết luận**

Có thể đánh giá rằng, việc ký kết TPP chính là một sự đi tắt đón đầu của các nước thành viên trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. TPP mở ra nhiều cơ hội cho công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tới tăng trưởng kinh tế chung và mọi doanh nghiệp, người tiêu dùng, người lao động trên thị trường. Bên cạnh đó, có không ít thách thức được đặt ra cho công tác XDGN trong thời gian tới. Vì vậy, bản thân mỗi người nghèo cần nỗ lực để nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, để thoát nghèo bền vững. Đồng thời, chính phủ cần tiếp tục vai trò định hướng và hỗ trợ đối với những người nghèo, đặc biệt

là những người nghèo đói ở vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ban chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 – 2020, 2015, *Báo cáo Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015.*
- Báo cáo quốc gia năm 2015, *Kết quả 15 năm thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam.*
- Báo điện tử Bộ Công thương, 2015, Bộ trưởng Bộ Công thương trả lời phỏng vấn TTXVN về Hiệp định TPP, ngày 07 tháng 10.
- J.P.Cling, M. Razafindrakoto & F. Roubaud, 2008, *Đánh giá tác động của các chính sách công: thách thức, phương pháp và kết quả*, Khóa học Tam Đảo 2008.
- Ngân hàng Thế giới, 2012, *Báo cáo đánh giá nghèo năm 2012, Khởi đầu tốt nhưng chưa phải đã hoàn thành: Thành tựu ấn tượng của Việt Nam trong giảm nghèo và những thách thức mới.*
- Nguyễn Ngọc Sơn, 2012, *Chính sách giảm nghèo ở nước ta hiện nay, thực trạng và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Kinh tế và phát triển, 181: 19-26.